

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/6/2025.  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2025/QĐST-DS ngày 06/6/2025 các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1995**

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt

**2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1992**

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đoàn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2013 tại UBND xã Đ (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, suy nghĩ, tính cách, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng. Đến khoảng năm 2017, anh T và chị H bàn bạc cùng nhau đi lao động ở nước ngoài làm ăn sinh sống, tuy nhiên giữa hai vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, thiếu sự tôn trọng nhau. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có một con chung là Đoàn Dương T2, sinh ngày 27/11/2013. Hiện đang ở cùng chị H và bà ngoại là bà Nguyễn Thị T1 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị H đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị H đi lao động tại nước ngoài, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Tuyết T3 chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Đoàn Văn T4 (bố đẻ của anh T) xác định: Hiện nay anh T đang lao động ở nước ngoài, gia đình không có địa chỉ cụ thể. Anh T vẫn liên lạc về gia đình. Anh T không gửi văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, nhưng thông qua liên lạc với gia đình, anh T xác định giữa anh và chị H có mâu thuẫn, không hòa hợp và không có sự tin tưởng, nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung: Anh T nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung là Đoàn Dương T2. Về tài sản chung anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ của chị H) xác định: Do chị Nguyễn Thị Phương H tiếp tục đi lao động tại nước ngoài nên đã ủy quyền cho bà trong việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án và thay chị H chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Dương T2 sinh ngày 27/11/2013. Bà T1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị H biết và có trách nhiệm thay chị T1 tạm nuôi dưỡng cháu.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Đoàn Dương T2 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại.

Tại biên bản xác minh ở địa phương thể hiện: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian chung sống với nhau không hòa hợp, hay bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa:* Chị H và bà T1 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương H được ly hôn với anh Đoàn Văn T; Về con chung: Giao con chung là Đoàn Dương T2 cho chị Nguyễn Thị Phương H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương H có đơn khởi kiện đề nghị giải quyết việc ly hôn với anh Đoàn Văn T có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa chị H, bà T1 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đoàn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2013 tại UBND xã Đ (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn và chung sống một thời gian, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp từ quan điểm, tính cách, nên thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng nhau. Hai vợ chồng cùng nhau sang nước ngoài làm ăn sinh sống, tuy nhiên mâu thuẫn hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. HĐXX

xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua quan điểm của địa phương, đại diện gia đình và các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét thấy con chung là Đoàn Dương T2 sinh ngày 27/11/2013 có nguyện vọng được ở với mẹ đẻ và bà ngoại, hiện cháu đang do chị H nuôi dưỡng, đang học tập, sinh sống ổn định tại gia đình chị H. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của con chung nên cần giao cho chị H nuôi con là phù hợp. Trong thời gian chị H ở nước ngoài tạm giao hai con chung cho bà T1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có), theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Phương H** ly hôn với anh **Đoàn Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đoàn Dương T2 sinh ngày 27/11/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tạm giao con chung là Đoàn Dương T2 sinh ngày 27/11/2013 cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nguyễn Thị Phương H ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001818 ngày 29/04/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương H có quyền kháng cáo bản án, bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn là 15 ngày, anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 30 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**